

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
Năm 2017

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0104093672**
- Vốn điều lệ: **296.822.740.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **296.822.740.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **04.62660306**
- Số fax: **04.62873800**
- Website: **www.viettelpost.com.vn**
- Email: **admin@viettelpost.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 13 tháng 4 năm 2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel, mã số doanh nghiệp 0104093672. Với việc cấp phép này Bưu chính Viettel chính thức là Tổng Công ty đầu tiên trong mô hình Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

Tiền thân từ Trung tâm phát hành báo chí được thành lập ngày 01/7/1997, với nhiệm vụ ban đầu là phục vụ các cơ quan Quân đội trong Bộ Quốc phòng. Năm 2006, Bưu chính Viettel chuyển đổi từ mô hình hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập thành Công ty TNHH NN 1 TV Bưu chính Viettel. Năm 2009 Bưu chính Viettel chính thức hoạt động với tư cách Công ty Cổ phần sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, qua 3 năm thực hiện cổ phần lợi nhuận hàng năm đều đạt từ 30-33% trên vốn chủ sở hữu.

Với chiến lược “Mạng lưới đi trước, kinh doanh đi sau” hiện mạng lưới phục vụ của Bưu chính Viettel đã có đến 98% các huyện (trừ huyện đảo), 85% các xã trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Năm 2009 Bưu chính Viettel đã mở rộng mạng lưới kinh doanh dịch vụ sang thị trường Campuchia và trở thành doanh nghiệp bưu chính đầu tiên của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Bước sang năm 2011, mạng lưới Bưu chính Viettel đã có mặt 23/23 tỉnh thành của Campuchia và chính thức được Bộ giao thông vận tải của hai nước cấp phép kinh doanh dịch vụ vận tải liên vận Quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia.

Sau 20 năm hoạt động trên thị trường, Bưu chính Viettel hiện có hơn 10.000 cán bộ nhân viên; với 5 công ty thành viên (Công ty TNHH MTV Logistics Viettel, Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Bưu chính Viettel, Công ty TNHH MTV Bưu chính Liên tỉnh Viettel, Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Cambodia, Công ty TNHH VTP LOG Myanmar) và 83 chi nhánh tỉnh trên toàn quốc.

Với bề dày kinh nghiệm hoạt động trên thị trường bưu chính, với trí tuệ và tâm huyết của đội ngũ cán bộ nhân viên, Tổng công ty Bưu chính Viettel đang nỗ lực phấn đấu để doanh thu không ngừng khởi sắc, chất lượng không ngừng được nâng cao, xứng đáng với sự chọn lựa của các khách hàng, cổ đông và ngôi vị doanh nghiệp bưu chính hàng đầu Việt Nam.

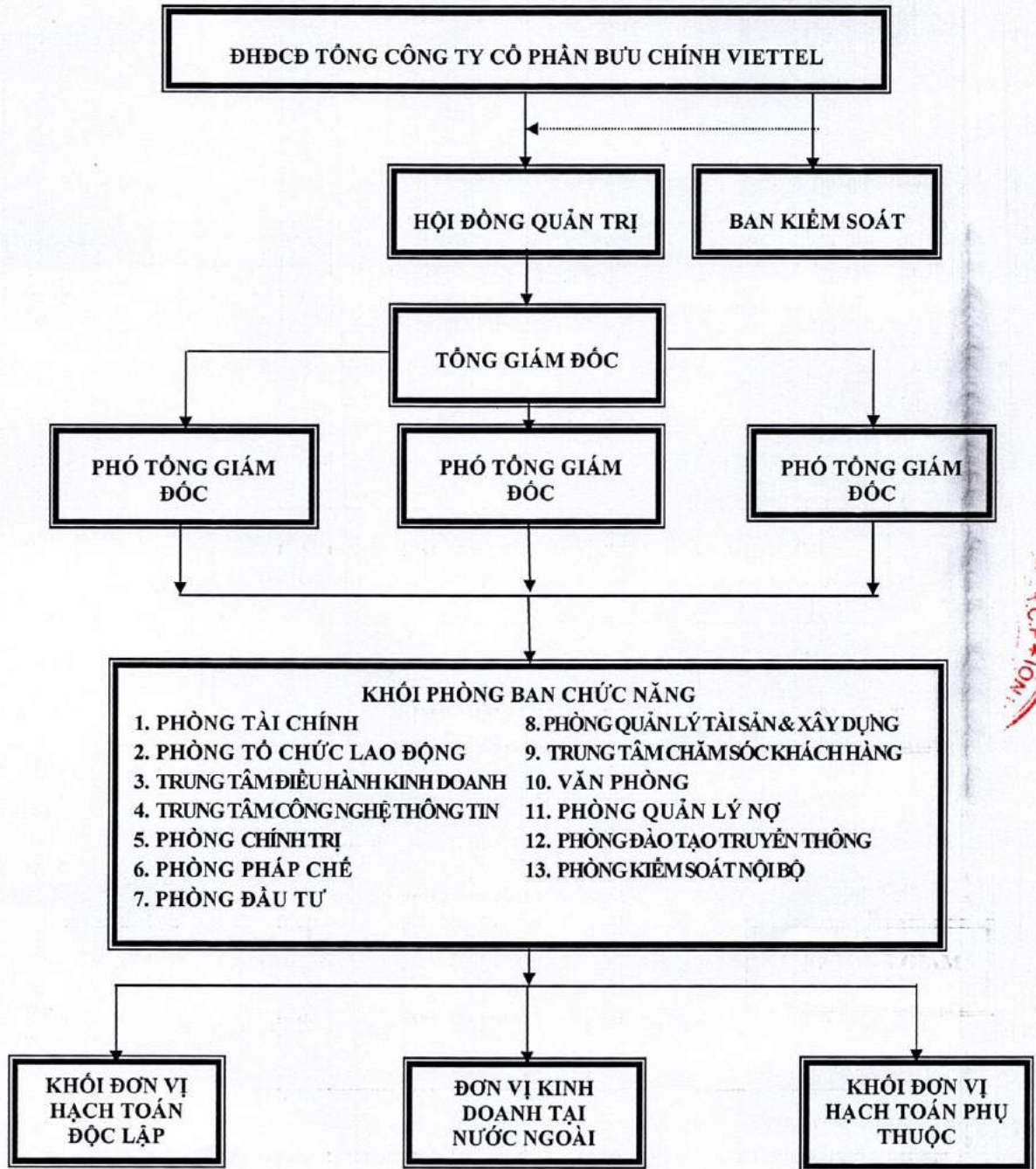
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh : (theo đăng ký thay đổi lần 14 ngày 31/10/2017)

- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí;
- Kinh doanh thương mại trên mạng bưu chính, thương mại điện tử;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông: bán các thiết bị viễn thông đầu cuối; các loại thẻ viễn thông, điện thoại, Internet card;
- Cho thuê văn phòng;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo trên bao bì chuyển phát nhanh của Công ty;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ vào xe có động cơ khác;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ vận tải liên vận quốc tế bằng đường bộ, đường thủy;
- Đại lý kinh doanh thẻ các loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa;
- In ấn, các dịch vụ liên quan đến in;
- Dịch vụ logistic(bao gồm: dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ đại lý hải quan, lập kế hoạch bốc dỡ hàng hóa, tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin liên quan đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa trong suốt cả chuỗi Logistic; hoạt động xử lý hàng hóa bị khách hàng trả lại, hàng tồn kho, hàng hóa quá hạn, lỗi một và tái phân phối hàng hóa đó; hoạt động cho thuê và thuê container và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải) (thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về logistic);
- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa (thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về thương mại xuất nhập khẩu);

- Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dùng và không chuyên dùng theo hợp đồng;
 - Vận tải hành khách bằng taxi, bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
 - Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;
 - Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi thương mại;
 - Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán buôn, bán lẻ sách báo tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
 - Dịch vụ bưu chính;
 - Dịch vụ chuyển phát;
 - Quảng cáo;
 - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);
 - Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị (bao gồm các mặt hàng công ty kinh doanh);
 - Sửa chữa thiết bị liên lạc;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Vận tải hành khách đường bộ khác;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
 - Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
 - Bán buôn đồ uống;
 - Đại lý chi trả ngoại tệ;
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật
- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là thị trường trong nước và một số nước do Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội đã và đang xúc tiến đầu tư.
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*
- Mô hình quản trị.
 - Cơ cấu bộ máy quản lý.



Sơ đồ:



4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty

- Nâng cao thương hiệu của Tổng Công ty trong lĩnh vực chuyên phát trong nước và quốc tế;

- Phát triển kết nối trực tiếp từ Việt Nam đi các nước;

- Công ty tại Campuchia, Myanmar hoạt động hiệu quả và có lãi;

- Hiện đại hóa hệ thống chia chọn tự động tại các trung tâm khai thác;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng;

- Hợp tác, liên kết với một số hãng chuyên phát quốc tế phát triển thu, phát chuyên tuyến;

- Liên doanh, liên kết với một công ty chuyên phát hàng đầu Thế giới để nâng cao năng lực quản lý, trình độ công nghệ thông tin, quy trình sản xuất;

- Nghiên cứu đầu tư mạng lưới ra một nước mà Tập đoàn Viễn thông Quân đội thực hiện đầu tư.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

▪ Mục tiêu doanh thu:

- Đến năm 2020 đạt doanh thu 10.000 tỷ đồng.

▪ Chiến lược đầu tư - phát triển:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng bưu chính;

- Đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động kinh doanh;

- Trình độ quản lý tiên tiến;

- Phát triển nguồn nhân lực;

- Đầu tư vào phát triển sản phẩm.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Tổng doanh thu cả năm đạt : 4.053,835 tỷ đồng tăng 165,4% so với năm 2016

+ Lợi nhuận trước thuế đạt : 213,531 tỷ đồng tăng 87,53% so với năm 2016

+ Lợi nhuận sau thuế đạt : 170,055 tỷ đồng tăng 51,50% so với năm 2016

+ Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

+ Tổng doanh thu cả năm đạt 117 %/kế hoạch năm 2017

+ Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 115,4%/kế hoạch năm 2017

2. Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

1/ Ông Trần Trung Hưng

- Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty

- Sinh năm : 1979

- Số CMND: 022079000069, do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư, cấp ngày 25/11/2014.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,08% (do bản thân sở hữu tương ứng với 23.270 cổ phần)

2/ Ông Nguyễn Đắc Luân

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, thành viên HĐQT



- Sinh năm : 1967

- Số CMND: 88047896 do Tổng cục Chính trị/BQP cấp ngày 15/03/2013

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,166% (do bản thân sở hữu tương ứng với 49.187 cổ phần)

3/ Bà Chu Kim Thoa

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty

- Sinh năm : 1979

- Số CMND: 012344702 do Công an Hà Nội cấp ngày 08/09/2006

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,403% (do bản thân sở hữu tương ứng với 119.504 cổ phần).

4/ Ông Đinh Thanh Sơn

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty

- Sinh năm : 1980

- Số CMND: 164073954 do Công an Ninh Bình cấp ngày 07/09/2010

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,003% (do bản thân sở hữu tương ứng với 881 cổ phần).

5/ Ông Lê Tuấn Anh

- Chức vụ: Kế toán trưởng

- Sinh năm: 1975

- Số CMND: 14010705 do Tổng cục chính trị cấp ngày 15/11/2014

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0,079% (do bản thân sở hữu tương ứng với 23.344 cổ phần)

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

1/ Thay đổi Tổng Giám đốc: không

2/ Miễn nhiệm/ Bổ nhiệm: Tháng 01, bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc: Ông Đinh Thanh Sơn.

- Số lượng cán bộ, nhân viên (Hợp đồng lao động): 2.652 người.

- Tổng Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; Thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: 401,144 tỷ đồng tăng 174% so với năm 2016.(đầu tư tài chính).

b. Các công ty con:

- Công ty TNHH MTV Logistics Viettel

- Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Bưu chính Viettel

- Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh Viettel

1936
CÔNG TY
PHÂN
CHÍNH
VIỆTT
TEL
NINH-T

- Công ty TNHH MTV Bru chính Viettel Cambodia
- Công ty TNHH MTV Bru chính Viettel Myanmar

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.076.655.815.909	1.751.257.041.869	63%
Doanh thu thuần	2.928.455.435.575	4.030.624.504.824	38%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	147.338.494.891	212.047.799.285	44%
Lợi nhuận khác	-478.869.429	1.483.244.184	-410%
Lợi nhuận trước thuế	146.859.625.463	213.531.043.469	45%
Lợi nhuận sau thuế	116.728.204.495	170.055.645.142	46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	40,8%	15%	

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,16	1,16	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	1,15	1,11	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,72	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,89	4,02	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	121,9	116,9	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,72	2,32	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,04	0,042	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,43	0,60	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,18	0,12	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,05	0,053	

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

b) Tổng số cổ phần đang lưu hành : 29.682.274 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 29.682.274 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty: 0 cổ phần

c) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2017 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông hạn chế chuyển nhượng	0	0	0
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	3	23.843.000	80,33
- Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	1	20.208.296	68,08
- Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital	1	1.507.823	5,08
- Ông Nguyễn Duy Tuấn	1	2.126.881	7,17
3. Thành phần cổ đông	1.285	29.682.274	100.00
- Cá nhân trong nước	1.282	7.537.574	25,40
- Tổ chức trong nước	3	22.144.700	74,60

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

e) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

f) Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2017, thị trường chuyển phát trong nước ngày càng khó khăn, cạnh tranh gay gắt nhưng Đảng ủy, Ban Giám đốc đã lãnh đạo Tổng Công ty vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành cơ bản những mục tiêu, chỉ tiêu năm 2017 đã đề ra. Đồng thời tiếp tục xác định chiến lược phát triển của Tổng công ty “nâng cao sức cạnh tranh của Tổng Công ty thông qua chất lượng dịch vụ”, Ban Giám đốc đã điều hành triệt để việc ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất làm tăng năng suất lao động, quản lý chặt chẽ doanh thu, đảm bảo tốt công tác thu hồi công nợ, gần như không phát sinh công nợ tồn quá hạn. Đảm bảo an toàn về vốn đầu tư và kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh tại Campuchia đảm bảo có lãi,....

Về mạng lưới, Tổng công ty vẫn kiên định theo chủ trương “đầu tư phát triển mạng lưới trước, kinh doanh sau”, hiện nay, mật độ phủ đã đạt 100% quận huyện trên toàn quốc, phát triển mạng lưới tách độc lập hoàn toàn với mạng Bưu chính quốc gia, nâng cao chất lượng dịch vụ, tỷ lệ phát đúng giờ >90%, tương đương với các nước trong khu vực.

Quan tâm đến đời sống người lao động, Ban Giám đốc đã lãnh đạo các đơn vị thực hiện quyết toán theo tháng, quý, năm làm cơ sở cho việc thúc đẩy tiết kiệm chi

phí, giảm chi phí phạt, nâng cao đời sống cho người lao động. Bên cạnh đó, năm 2017, Hoạt động của các tổ chức quần chúng đã diễn ra sôi nổi và thiết thực, tất cả các phong trào thi đua đều đạt giải cao cấp Tập đoàn; chế độ, chính sách và phúc lợi cho người lao động được quan tâm: tặng nhà tình nghĩa, nhà mái âm, tặng sổ tiết kiệm, ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo,....

Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.

- Tổng Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng & từng tuần. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.

- Năm 2017 Tổng Công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận tối đa, đời sống người lao động được nâng lên.

- Các biện pháp kiểm soát: Tổng Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,...

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Ghi chú
1. Tài sản ngắn hạn	857,53	1.423,15	
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	273,22	477,33	
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	363,32	478,70	
+ Hàng tồn kho	19,41	43,63	
+ Tài sản ngắn hạn khác	30,74	46,57	
2. Tài sản dài hạn	219,12	328,10	
+ Tài sản cố định	174,28	244,66	
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,19	4,00	
+ Tài sản dài hạn khác	42,88	74,43	
Tổng cộng tài sản :	1.076,66	1.751,26	
3. Các chỉ tiêu đánh giá :			
Vòng quay tài sản	3,43	3,43	
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	13,64%	12,19%	

936
CÔNG
PHÂN
CHIN
TEL
INH-TT

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
	Nợ ngắn hạn	706,41	1.261,30
1.	Vay và nợ ngắn hạn	39,744	192,50
2.	Phải trả người bán	126,43	76,910
3.	Người mua trả tiền trước	4,012	4,679
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	15,017	29,35
5.	Phải trả người lao động	254,54	451,28
6.	Chi phí phải trả	15,70	27,68
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	249,65	480,07
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,29	(6,94)
	Nợ dài hạn		
10.	Vay và nợ dài hạn		
11.	Phải trả dài hạn khác	4,73	0,42
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc		
	Tổng cộng	711,14	1.261,78

(Nguồn: BCTC năm 2016, 2017 đã được kiểm toán).

Trong năm 2017 Tổng Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2017 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại các bộ phận trên cơ sở các bộ phận làm việc chuyên nghiệp, giảm bộ phận trung gian để làm nhỏ gọn bộ máy của Tổng Công ty.

Tổng Công ty thực hiện khoán triệt để đến từng người lao động để người làm nhiều được hưởng theo đúng sức lao động. Ngoài ra các chương trình chăm sóc đến tinh thần của CBCNV luôn được Ban Giám đốc Tổng Công ty quan tâm.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tổng Công ty phấn đấu sẽ trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp dịch vụ chuyển phát và hậu cần thương mại điện tử tại Việt Nam.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không.

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty:

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty:

- Doanh thu cả năm 2017 đạt : 4.053,835 tỷ đồng tăng 165 % so với năm 2016
- Lợi nhuận trước thuế đạt : 213,531 tỷ đồng tăng 87,53% so với năm 2016
- Lợi nhuận sau thuế đạt : 170,055 tỷ đồng tăng 51,50% so với năm 2016

Năm 2017 Tổng Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Tổng Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như : Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Tổng Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Tổng Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Tổng Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Tổng Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;
- HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Tổng Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD Tổng Công ty trong những năm tiếp theo;
- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ của Tổng Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Tổng Công ty.

V. Quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có 7 nhân sự

40
NGC
COP
BUU
VIE
BA D

- **Danh sách HĐQT**

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	0,132%	Phó TGD Tập đoàn VTQĐ
Nguyễn Duy Tuấn	Thành viên HĐQT	7,165%	Phó TGD Tổng Công ty Viễn thông Viettel
Nguyễn Đắc Luân	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	0,166%	
Trần Trung Hưng	Thành viên HĐQT	0,08%	
Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	0%	Trưởng Ban Đầu tư Tài chính Tập đoàn VTQĐ
Lưu Trung Thái	Thành viên HĐQT	5,08%	Tổng Giám đốc Ngân hàng Quân đội
Cao Huy Giáp	Thành viên HĐQT	0,002%	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Tổng Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 06 cuộc họp định kỳ để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Tổng Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Tổng Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	03/NQ-VTP-HĐQT	16/01/2017	Thông qua việc giao đơn giá tiền lương cho TCT
2	13/NQ-HĐQT	25/02/2017	+ Thông qua kết quả kinh doanh quý 4 năm 2016, kế hoạch năm 2017, quý 1 năm 2017. + Thông qua các dự án đầu tư triển khai trong năm 2017 + Thông qua thay đổi mô hình tổ chức TCT. + Thông qua các nội dung báo cáo trong ĐHCĐ thường niên năm 2017
3	19/NQ-HĐQT	19/06/2017	Thông qua số lượng cổ phần phát hành để trả cổ tức năm 2016
4	36/NQ-HĐQT	22/06/2017	Thông qua việc triển khai phân phối cổ



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			tức, phương án phát hành cổ phần năm 2016
5	50/NQ-HĐQT	24/08/2017	+ Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017. + Thông qua các dự án đầu tư triển khai trong 6 tháng cuối năm 2017 + Thông qua việc thay đổi địa chỉ của Công ty Logistics.
6	53/NQ-HĐQT	20/09/2017	Thông qua tiến độ góp vốn vào Công ty VTP Log Myanmar

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: Không có

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Tổng Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

- Danh sách Ban Kiểm Soát:

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	0,01%	Phó Ban Thanh tra Kiểm toán - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Nguyễn Đức Cường	Thành viên BKS	0%	Chuyên viên Ban Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Trần Trung Kiên	Thành viên BKS	0,15%	Phó phòng Pháp chế - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Tổng Công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Tổng Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 được tổ chức vào ngày 26/04/2017 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2017 theo các mức như sau:

STT	Thành phần	Số tiền bình quân (đồng)/tháng	Thời gian đảm nhiệm vị trí
1	Ông Hoàng Sơn - Chủ tịch HĐQT	3.000.000	12 tháng
2	Ông Nguyễn Duy Tuấn - Phó Chủ tịch HĐQT	2.000.000	12 tháng
3	Ông Lưu Trung Thái – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
4	Bà Nghiêm Phương Nhi – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
5	Ông Nguyễn Đắc Luân – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
6	Ông Trần Trung Hưng – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
7	Ông Cao Huy Giáp - Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
8	Bà Đặng Thị Kim Hoa - Trưởng ban Kiểm soát	2.000.000	12 tháng
9	Ông Trần Trung Kiên – Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000	12 tháng
10	Ông Nguyễn Đức Cường – Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000	12 tháng
11	Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký HĐQT	1.500.000	12 tháng

Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT trong năm 2017:

Stt	Nội dung	Chức vụ	Năm 2017		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
I/	Hội đồng Quản trị :		180.000.000	0	180.000.000
1	Hoàng Sơn	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	0	36.000.000
2	Nguyễn Duy Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Lưu Trung Thái	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
4	Trần Trung Hưng	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
5	Cao Huy Giáp	Phó Chủ tịch HĐQT	24.000.000	0	24.000.000

Stt	Nội dung	Chức vụ	Năm 2017		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
6	Nghiêm Phương Nhi	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
7	Nguyễn Đắc Luân	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
II/	Ban Kiểm soát:		48.000.000	0	48.000.000
1	Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	24.000.000	0	24.000.000
2	Trần Trung Kiên	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
3	Nguyễn Đức Cường	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
III/	Thư ký HĐQT		18.000.000	0	18.000.000
1	Nguyễn Thanh Tùng	Thư ký HĐQT	18.000.000	0	18.000.000
	Tổng cộng :		246.000.000	0	246.000.000

- b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có*
- c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.*
- d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty : Mọi hoạt động về quản trị Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.*

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH AASC :

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 36
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 36

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được thành lập theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104093672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Duy Tuấn	Phó Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 27/04/2017)
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)
Ông Lưu Trung Thái	Thành viên	
Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên	
Ông Nguyễn Đắc Luân	Thành viên	
Ông Trần Trung Hưng	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 27/04/2017)
Ông Nguyễn Duy Tuấn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27/04/2017)
Ông Cao Huy Giáp	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Trung Hưng	Tổng Giám đốc	
Bà Chu Kim Thoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đắc Luân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 05/01/2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên	
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel
Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018



Số: 230318.032/BCTC.KT6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, từ trung 5 đến trung 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Anh Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2018-002-1

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Lê Phụng Hiểu, Hanoi, Vietnam A member of IHLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.423.152.328.631	857.531.083.857
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	477.326.361.611	273.223.391.094
111 1. Tiền		282.172.361.611	157.223.391.094
112 2. Các khoản tương đương tiền		195.154.000.000	116.000.000.000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	401.144.000.000	146.615.000.000
123 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		401.144.000.000	146.615.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		478.704.487.439	363.324.229.100
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	318.826.832.465	271.787.731.667
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	13.673.193.962	6.779.198.674
136 6. Phải thu ngắn hạn khác	7	146.073.316.831	84.089.673.311
137 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(518.000.000)	-
139 8. Tài sản thiếu chờ xử lý	8	649.144.181	667.625.448
140 IV. Hàng tồn kho	10	19.406.630.040	43.625.651.690
141 1. Hàng tồn kho		19.406.630.040	43.625.651.690
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		46.570.849.541	30.742.811.973
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	46.214.800.990	29.212.327.475
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	244.627.007
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	356.048.551	1.285.857.491
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		328.104.713.238	219.124.732.052
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		2.955.945.920	1.291.127.000
216 6. Phải thu dài hạn khác	7	2.955.945.920	1.291.127.000
220 II. Tài sản cố định		244.657.990.457	174.279.310.607
221 1. Tài sản cố định hữu hình	12	220.338.490.547	148.687.603.958
222 - Nguyên giá		331.896.809.342	226.445.048.562
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(111.558.318.795)	(77.757.444.604)
227 3. Tài sản cố định vô hình	13	24.319.499.910	25.591.706.649
228 - Nguyên giá		29.241.398.707	29.241.483.467
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(4.921.898.797)	(3.649.776.818)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.065.411.112	478.138.364
242 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.065.411.112	478.138.364
250 V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	4.000.000.000	195.495.546
253 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	780.000.000
254 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	(584.504.454)
255 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000	-
260 VI. Tài sản dài hạn khác		74.425.365.749	42.880.660.535
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	14	74.425.365.749	42.880.660.535
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.751.257.041.869	1.076.655.815.909


0936
CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
HÀ NỘI

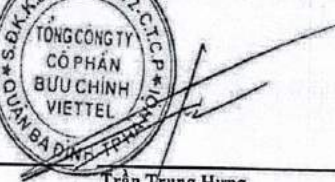
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		1.261.788.834.316	711.145.464.376
310 I. Nợ ngắn hạn		1.261.370.337.436	706.413.469.496
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	76.910.510.657	126.430.064.261
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	4.679.884.716	4.012.531.071
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	29.351.577.623	15.017.975.054
314 4. Phải trả người lao động		451.289.725.097	254.547.489.888
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	27.680.064.797	15.706.756.550
318 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.819.877.495	-
319 9. Phải trả ngắn hạn khác	20	480.079.212.079	249.654.339.535
320 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	192.502.703.853	39.744.662.500
322 12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	21	(6.943.218.881)	1.299.650.637
330 II. Nợ dài hạn		418.496.880	4.731.994.880
337 7. Phải trả dài hạn khác	20	418.496.880	4.731.994.880
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		489.468.207.553	365.510.351.533
410 I. Vốn chủ sở hữu	22	489.468.207.553	365.510.351.533
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		296.822.740.000	228.858.350.000
411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		296.822.740.000	228.858.350.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		(184.000.000)	(184.000.000)
417 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		961.099.504	1.025.487.044
418 8. Quỹ đầu tư phát triển		17.252.417.756	17.252.417.756
421 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		174.615.950.293	118.558.096.733
421a LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.560.305.151	1.829.892.238
421b LNST chưa phân phối năm nay		170.055.645.142	116.728.204.495
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.751.257.041.869	1.076.655.815.909


Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu


Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc

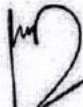
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

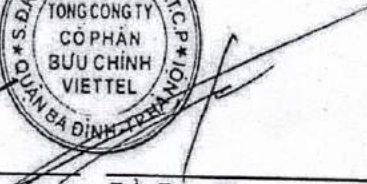
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	4.031.744.779.625	2.928.455.435.575
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.120.274.801	-
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.030.624.504.824	2.928.455.435.575
11 4. Giá vốn hàng bán	26	3.685.682.521.940	2.679.602.128.048
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		344.941.982.884	248.853.307.527
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	20.654.325.750	10.046.876.535
22 7. Chi phí tài chính	28	2.859.435.263	1.597.804.824
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		3.191.625.380	1.068.521.019
24 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25 9. Chi phí bán hàng	29	14.157.365.787	2.950.678.391
26 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	136.531.708.299	107.013.205.955
30 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		212.047.799.285	147.338.494.892
31 12. Thu nhập khác	31	2.557.098.812	1.300.101.792
32 13. Chi phí khác	32	1.073.854.628	1.778.971.221
40 14. Lợi nhuận khác		1.483.244.184	(478.869.429)
50 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		213.531.043.469	146.859.625.463
51 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	43.475.398.327	30.131.420.968
52 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>170.055.645.142</u>	<u>116.728.204.495</u>
61 19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		170.055.645.142	116.728.204.495
62 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	5.729	3.933


Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu


Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng


Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
		VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế	213.531.043.469	146.859.625.463
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định	37.826.959.786	25.802.107.374
03	- Các khoản dự phòng	(66.504.454)	350.504.454
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	508.755	-
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(21.233.152.209)	(10.366.242.455)
06	- Chi phí lãi vay	3.191.625.380	1.068.521.019
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	233.250.480.727	163.714.515.855
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu	(128.451.194.116)	(158.130.569.845)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho	24.219.021.650	(39.198.907.187)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	395.079.127.927	337.517.230.550
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước	(48.547.178.729)	(46.230.493.537)
14	- Tiền lãi vay đã trả	(3.082.383.973)	(1.156.549.186)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(40.109.714.438)	(26.060.926.022)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	26.451.596.120	1.989.302.392
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(19.947.518.600)	(6.539.173.194)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	438.862.236.568	225.904.429.826
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(109.702.969.917)	(58.759.985.714)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	3.165.000.000	782.220.894
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(292.124.000.000)	(277.300.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	33.595.000.000	147.105.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	546.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	11.097.917.934	7.808.254.253
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(353.423.051.983)	(180.364.510.567)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	12.468.270.000
33	3. Tiền thu từ đi vay	1.437.303.793.538	128.784.586.235
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	(1.284.545.752.185)	(120.661.694.335)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(34.094.255.421)	(26.475.900.906)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	118.663.785.932	(5.884.739.006)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	204.102.970.517	39.655.180.253
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	273.223.391.094	233.568.210.841
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	477.326.361.611	273.223.391.094

Đào Thị Phương Lan
Người lập biểu

Lê Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Trần Trung Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018



672-C
CÔNG TY
AN
HÌNH
EL
H. TP HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được thành lập theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104093672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 296.822.740.000 đồng, tương đương 29.682.274 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là Thương mại và dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Chuyển phát, kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh Bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa;
- Bưu chính;
- Phát hành báo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất:

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục mở rộng mạng lưới Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố đồng thời tận dụng ưu thế nhà cung cấp lớn để phát triển dịch vụ Logistics và Forwarding dẫn đến doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các chi phí phát sinh, công nợ phải thu, công nợ phải trả biến động tăng so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc Tổng Công ty

- Tổng Công ty có 84 Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trên toàn quốc
- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Liên tỉnh	Hà Nội	100%	100%	Dịch vụ chuyển phát nhanh
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bưu chính Viettel	Hà Nội	100%	100%	Thương mại
Công ty TNHH MTV Logistics Viettel	Hà Nội	100%	100%	Vận tải Logistics
Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Campuchia	Campuchia	100%	100%	Vận tải Logistics
Công ty VTP Log Myanmar	Myanmar	100%	100%	Vận tải Logistics



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG HƯNG

